



CẬP NHẬT QUÝ

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2: HOSE)

Giá mục tiêu: 27.000 Đồng

Khuyến nghị: MUA

Tăng giá: 26,5%

24/07/2026

SSI

Nhu cầu điện cao tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận

Sau đợt giảm giá cổ phiếu gần đây, chúng tôi nâng khuyến nghị đối với NT2 lên **MUA** (từ **KHẢ QUAN**), và giữ nguyên giá mục tiêu 12 tháng là **27.000 đồng/cổ phiếu**, tương đương tiềm năng tăng giá 27%.

Luận điểm đầu tư

Chúng tôi duy trì quan điểm NT2 là một trong những doanh nghiệp phát điện hấp dẫn nhất trong phạm vi theo dõi, nhờ hai lợi thế mang tính cấu trúc:

- Lợi thế về tính đảm bảo nguồn cung khí:** NT2 nằm trong số ít nhà máy điện có cam kết cấp khí dài hạn với **PV GAS (GAS: HOSE)**, qua đó đảm bảo được nguồn nhiên liệu đầu vào cho hoạt động phát điện trong bối cảnh tình hình cấp khí tự nhiên trong nước vẫn có rủi ro suy giảm dài hạn.
- Cơ cấu chi phí thấp hơn:** Thiết bị máy móc của nhà máy điện đã khấu hao hết vào **Q4/2025**, giúp giảm đáng kể chi phí khấu hao và hỗ trợ đáng kể lợi nhuận từ năm 2026.

KQKD 6T2026 vượt kỳ vọng

- NT2 ghi nhận KQKD 6T2026 tích cực, với **doanh thu tăng 42% svck** và **lợi nhuận sau thuế (LNST) tăng 61% svck**, vượt kế hoạch lợi nhuận năm của công ty và dự báo của chúng tôi.
- Kết quả này chủ yếu đến từ hai yếu tố: (1) **Nhu cầu điện tăng mạnh hơn dự kiến**, khi sản lượng điện tiêu thụ toàn quốc tăng khoảng 10% svck, cao hơn đáng kể so với giả định trước của chúng tôi. (2) **Sản lượng thủy điện giảm** do sự trở lại của điều kiện thời tiết El Niño trong Q2/2026 làm ảnh hưởng lượng nước về hồ và khiến hệ thống điện phụ thuộc nhiều hơn vào nhiệt điện, qua đó hỗ trợ sản lượng huy động của NT2.

Triển vọng năm 2026

Chúng tôi nâng dự báo sản lượng điện năm 2026 tăng **20%**, phản ánh mức sản lượng vượt kỳ vọng trong Q2/2026 và kỳ vọng nhu cầu điện sẽ tiếp tục cao trong nửa cuối năm.

Theo đó, chúng tôi dự báo **doanh thu đạt 10,6 nghìn tỷ đồng (+33% svck)** và **LNST đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (+4% svck)**.

Mặc dù tăng trưởng lợi nhuận có vẻ khiêm tốn, chúng tôi lưu ý lợi nhuận 2025 đã ở mức cao khi NT2 đã ghi nhận khoảng **237 tỷ đồng thu nhập bất thường**. Nếu loại trừ khoản thu nhập này, tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi của công ty vẫn duy trì ở mức tích cực và được hỗ trợ bởi chi phí khấu hao giảm mạnh.

Yếu tố hỗ trợ: Chính phủ phê duyệt cho sử dụng LNG để phát điện, góp phần bảo đảm nguồn nhiên liệu trong dài hạn và tăng tính linh hoạt cho quá trình vận hành nhà máy.

Rủi ro: (1) Nguồn cung khí nội địa suy giảm nhanh hơn dự kiến, (2) Biến động giá khí tự nhiên, (3) Sự cố kỹ thuật ngoài dự kiến ảnh hưởng đến tính vận hành liên tục của nhà máy.

Bảng 1: Các chỉ tiêu chính

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	6.150	8.788	6.386	5.944	7.958	10.576
Tăng trưởng DTT	1,1%	42,9%	-27,3%	-6,9%	33,9%	32,9%
Biên lợi nhuận gộp	11,0%	12,3%	8,0%	0,9%	15,7%	13,3%
NPATMI	534	883	473	83	1.130	1.174
EPS (VND)	1.756	2.960	1.546	190	3.829	3.873
Tăng trưởng EPS	-16,2%	68,5%	-47,8%	-87,7%	1,913,3%	1,2%
Nợ/VCSH (x)	0,0	0,1	0,3	0,2	0,4	0,3
Tỷ suất cổ tức	6,3%	8,7%	6,1%	3,3%	4,1%	6,9%
ROE	12,5%	20,0%	10,6%	1,9%	25,0%	22,2%
P/E (x)	15,0	9,7	15,9	110,2	6,4	5,5
P/B (x)	1,8	1,8	1,6	1,4	1,4	1,1
EV/EBITDA	6,1	4,6	5,0	5,7	2,6	1,8

Nguồn: NT2, SSI Research

Đào Minh Châu, CFA

Phó giám đốc TTPT

chaudm@ssi.com.vn

Giá CP - VND (23/07/26)	21.350
Vốn hóa (USDmn):	232
SLCP lưu hành (triệu cp):	288
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	0,7
Giá cao/thấp 52T (k VND):	28,9/19,4
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	0,6
Tỷ lệ SHNN (%):	10,8
GTNN còn được mua (USDmn):	88,6
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	61,9

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

NT2 được thành lập bởi PetroVietnam - PVN (sau đó chuyển giao cho PV Power) và các tổ chức đầu tư khác vào năm 2007. Công ty có nhà máy điện khí tọa lạc tại tỉnh Đồng Nai, bắt đầu vận hành thương mại vào năm 2011 với công suất lắp đặt là 750 MW.

Nhìn lại 6T2026: Lợi nhuận đã vượt kế hoạch năm

Bảng 2: Các chỉ tiêu chính trong năm 6T2026

	1H25	1H26	% svck	2Q25	2Q26	% svck
Sản lượng tiêu thụ (triệu kWh)	1.364	2.141	56,9%	776	1.195	54,0%
Qc (triệu kWh)	1.588	1.870	17,8%	956	973	1,8%
Giá bán bình quân (VND/kWh)	2.571	2.333	-9,3%	2.681	2.363	-11,8%
Giá khí bình quân (USD/MMBTU)	9,6	10,0	4,5%	9,6	10,3	7,3%

Nguồn: NT2, SSI Research

Bảng 3: KQKD Q2/2026

Tỷ đồng	2Q25	2Q26	% svck	1Q26	% so với quý trước
Doanh thu thuần	2.081	2.825	35,7%	2.172	30,1%
Lợi nhuận gộp	367	477	30,0%	218	119,1%
Lợi nhuận hoạt động	345	449	30,1%	185	143,1%
EBIT	383	526	37,3%	242	117,6%
EBITDA	555	564	1,7%	280	101,6%
Lợi nhuận trước thuế	365	504	38,1%	223	125,6%
Lợi nhuận sau thuế	326	403	23,5%	180	123,9%
NPATMI	326	403	23,5%	180	123,9%

Nguồn: NT2, SSI Research

Bảng 4: KQKD 6T2026

Tỷ đồng	6T2025	6T2026	% svck	%hoàn thành kế hoạch
Doanh thu thuần	3.508	4.996	42,4%	61%
Lợi nhuận gộp	411	694	68,8%	
Lợi nhuận hoạt động	370	634	71,3%	
EBIT	439	768	74,9%	
EBITDA	782	844	7,9%	
Lợi nhuận trước thuế	408	727	78,1%	135%
Lợi nhuận sau thuế	363	583	60,5%	136%
NPATMI	363	583	60,5%	

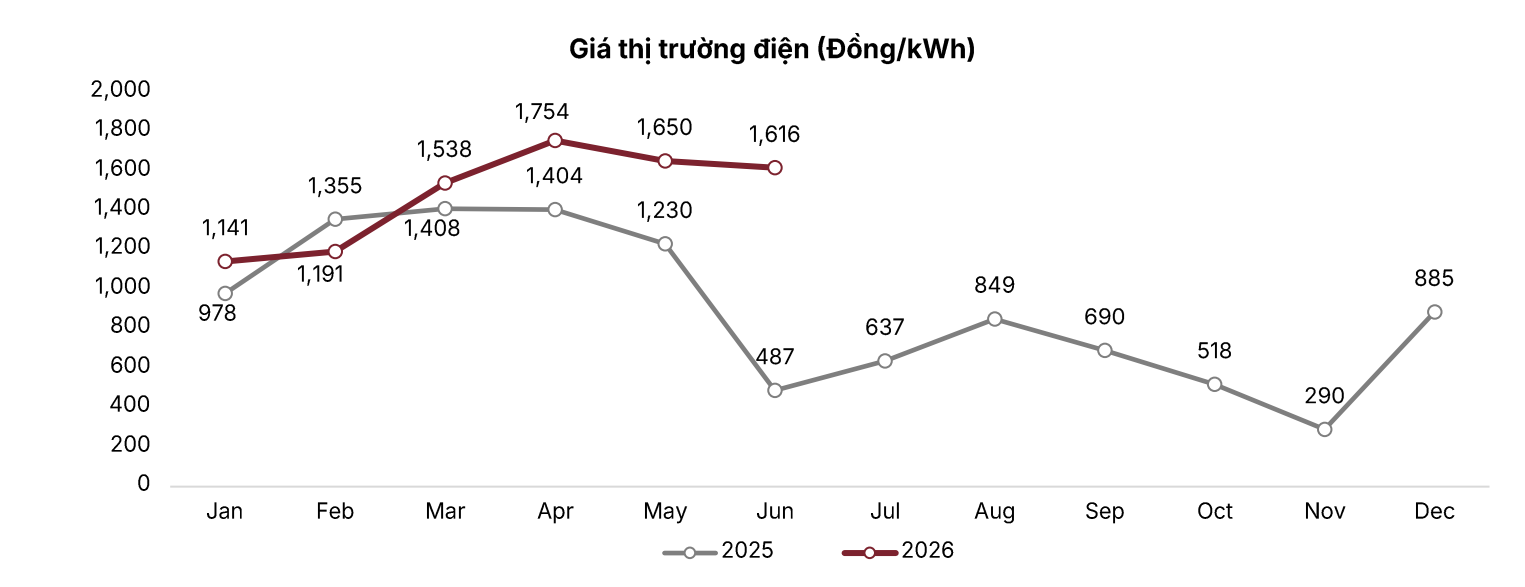
Nguồn: NT2, SSI Research

NT2 ghi nhận doanh thu Q2/2026 đạt 2,8 nghìn tỷ đồng (+36% svck) và LNST đạt 403 tỷ đồng (+24% svck), vượt kỳ vọng của chúng tôi nhờ sản lượng điện cao hơn dự kiến. Theo đó, LNST 6T2026 đạt 583 tỷ đồng (+61% svck), vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm 2026 của công ty.

Một số điểm nhấn từ KQKD 6T2026

- **Sản lượng điện tăng mạnh lên hơn 2,1 tỷ kWh (+57% svck)**, cao hơn dự báo trước của chúng tôi là gần 2,0 tỷ kWh (+46% svck). Riêng trong Q2/2026, sản lượng đạt 1,2 tỷ kWh (+54% svck), áp sát mức đỉnh trong Q2/2020. Chúng tôi cho rằng kết quả này chủ yếu đến từ nhu cầu điện tăng mạnh tại Việt Nam trong bối cảnh điều kiện thủy văn kém thuận lợi cho thủy điện:
 - ✓ Sản lượng điện toàn quốc trong 6T2026 tăng 10% svck, cao hơn giả định trước đây của chúng tôi cho cả năm 2026 là 8,5%.
 - ✓ Hình thái thời tiết El Niño trở lại trong Q2/2026, làm hạn chế khả năng huy động thủy điện.
 - ✓ Trong khi đó, khả năng cấp khí tại khu vực Đông Nam Bộ vẫn ổn định, giúp NT2 và các nhà máy điện khí khác — cùng với nhiệt điện than — bù đắp phần chênh lệch cung cầu này.
- **Giá thị trường điện toàn phần bình quân phục hồi lên 1.482 đồng/kWh (+30% svck)**, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.
- **Giá khí tăng 5% svck**, chủ yếu do căng thẳng tại Trung Đông leo thang từ cuối tháng 2.
- **Thu nhập tài chính ròng tiếp tục cải thiện, tăng 2,5 lần svck**, nhờ lượng tiền gửi cao hơn và hiệu quả quản lý dòng tiền.

Biểu đồ 5: Giá thị trường điện phục hồi trong 6T2026, phản ánh sự chuyển dịch trong cơ cấu phát điện theo hướng tăng tỷ trọng nhiệt điện trong bối cảnh hạn chế huy động thủy điện



Nguồn: EVN, SSI Research

Triển vọng năm 2026

Chúng tôi nâng giả định tăng trưởng sản lượng điện toàn quốc năm 2026 lên 11% svck (từ 8,5%). Theo đó, chúng tôi nâng dự báo sản lượng điện của NT2 trong năm 2026 thêm 20%. Do NT2 chưa có kế hoạch bảo dưỡng trọng yếu trong giai đoạn 2026-2027, việc duy trì trạng thái sẵn sàng vận hành cao của nhà máy sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh hệ thống điện quốc gia.

Bảng 6: Dự báo năm 2026

Tỷ đồng	2025	2026F	svck	Giả định
Doanh thu thuần	7.958	10.576	33%	- Dựa trên giả định của chúng tôi về tăng trưởng sản lượng điện toàn quốc ở mức hai chữ số. - Tương tự 6T2026, chúng tôi kỳ vọng mức độ huy động cao sẽ được duy trì trong nửa cuối năm 2026, giúp sản lượng cả năm vượt mức đỉnh của năm 2022 (hơn 4 tỷ kWh).
Sản lượng (triệu kwh)	3.118	4.336	39%	
Qc (triệu kwh)*	3.504	4.054	16%	
%Qc	112%	94%		
Giá khí đốt (USD/MMBTU)	9.38	9.83	5%	
Lợi nhuận gộp	1.248	1.408	13%	- Trong năm 2025, NT2 đã ghi nhận 237 tỷ đồng thu nhập một lần, bao gồm: ✓ Phí dịch vụ môi trường rừng cho giai đoạn 2019–Q3/2025 ✓ Khoản bồi thường lỗ tỷ giá giai đoạn 2019–2020 ✓ 22% khoản bồi thường lỗ tỷ giá năm 2021 (chúng tôi cho rằng phần còn lại sẽ không có tác động đáng kể đến lợi nhuận từ năm 2026 trở đi)
Thu nhập tài chính	170	271	59%	Nhờ số dư tiền gửi cải thiện
Chi phí tài chính	-66	-84	27%	
SG&A	-85	-130	53%	NT2 ghi nhận một khoản hoàn nhập dự phòng nợ xấu 24 tỷ đồng trong Q3/2025, chúng tôi cho rằng khoản này khó có khả năng lặp lại trong năm 2026.
LNTT	1.268	1.467	16%	
LNST	1.130	1.174	4%	- Với việc nâng dự báo sản lượng lên 20%, chúng tôi tăng dự báo LNST thêm 17%. - Từ năm 2026, hoạt động kinh doanh cốt lõi của NT2 sẽ chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp 20%, so với 10% trong năm 2025. - Nếu không tính khoản 237 tỷ đồng thu nhập bất thường, chúng tôi dự báo LNST năm 2026 tăng 28% svck, nhờ sự phục hồi từ giá thị trường điện toàn phần và chi phí khấu hao giảm.

Nguồn: NT2, SSI Research (Qc: Sản lượng hợp đồng)

Tóm tắt định giá

Mặc dù tăng dự báo LNST năm 2026 thêm 17%, chúng tôi giữ nguyên giá mục tiêu 12 tháng ở mức 27.000 đồng/cổ phiếu, do rủi ro nguồn cung khí trong dài hạn vẫn hiện hữu và có thể ảnh hưởng đến khả năng huy động điện của NT2 trong những năm tới. Với tiềm năng tăng giá 27%, chúng tôi nâng khuyến nghị đối với NT2 lên **MUA** (từ **KHẢ QUAN**).

Lượng tiền mặt ròng của NT2 hiện tương đương khoảng 50% giá trị vốn hóa thị trường. Cùng với EPS hàng năm hiện tại đang trên 3.000 đồng/cổ phiếu, điều này mang lại cho NT2 sự linh hoạt tài chính đáng kể, giúp công ty đảm bảo nhu cầu vốn lưu động cho việc sẵn sàng phát điện, duy trì chính sách cổ tức hấp dẫn, hoặc có thể tích lũy dần vốn phục vụ cho các khoản đầu tư tiềm năng trong tương lai.

Bảng 7: Tóm tắt định giá

	Giá mục tiêu (Đồng/cp)	Tỷ trọng*	Hệ số mục tiêu	Giả định
Theo pp DCF	16.631	50%		Chúng tôi áp dụng phương pháp DCF với WACC là 10,3%, lãi suất phi rủi ro 4,0% và ERP là 8,7%.
EV/EBITDA	37.374	50%	5,5x	
Giá mục tiêu	27.000			
EV/EBITDA 2026 (x)	3,9			
% Tăng giá	27,4%			
Tỷ suất cổ tức 2025	4,7%			
ROI bao gồm tỷ suất cổ tức	32,1%			

Nguồn: SSI Research

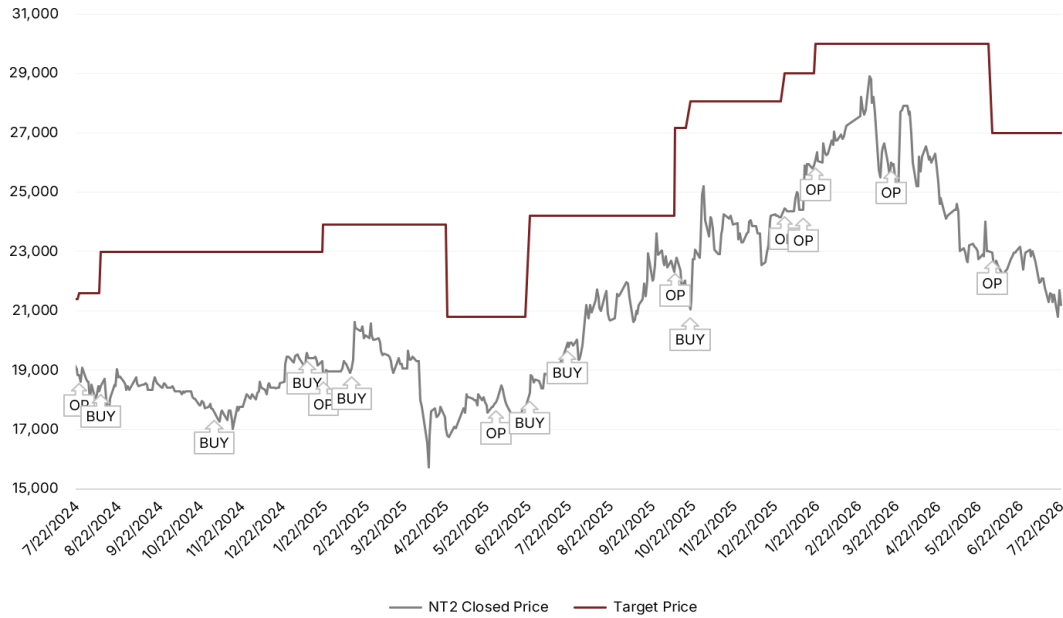
Yếu tố hỗ trợ

- Chính phủ phê duyệt cho sử dụng LNG để phát điện, góp phần bảo đảm nguồn nhiên liệu trong dài hạn và tăng tính linh hoạt trong vận hành nhà máy.

Rủi ro

- Nguồn cung khí nội địa suy giảm nhanh hơn dự kiến.
- Biến động giá khí tự nhiên.
- Sự cố kỹ thuật ngoài dự kiến

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương	1	57	22	34
+ Đầu tư ngắn hạn	2.100	2.273	3.757	4.922
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.326	2.989	3.895	4.565
+ Hàng tồn kho	260	333	354	450
+ Tài sản ngắn hạn khác	83	122	5	23
Tổng tài sản ngắn hạn	4.770	5.774	8.033	9.994
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	2.125	1.442	897	754
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	0	0	0	0
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	1.556	1.482	343	435
Tổng tài sản dài hạn	3.681	2.924	1.240	1.189
Tổng tài sản	8.451	8.698	9.273	11.183
+ Nợ ngắn hạn	4.115	4.509	4.414	5.496
Trong đó: vay ngắn hạn	1.200	996	1.762	1.522
+ Nợ dài hạn	0	0	0	0
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	4.115	4.509	4.414	5.496
+ Vốn góp	2.879	2.879	2.879	2.879
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	1.231	1.085	1.755	2.572
+ Quỹ khác	226	226	226	246
Vốn chủ sở hữu	4.336	4.189	4.859	5.696
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	8.451	8.698	9.273	11.193
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	857	528	1,003	542
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-1,090	-67	-1,372	-12
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-150	-405	334	-518
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-383	56	-35	12
Tiền đầu kỳ	384	1	57	22
Tiền cuối kỳ	1	57	22	34
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,2	1,3	1,8	1,8
Hệ số thanh toán nhanh	1,1	1,2	1,7	1,7
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,5	0,5	0,9	0,9
Nợ ròng / EBITDA	-0,6	-1,4	-0,9	-1,6
Khả năng thanh toán lãi vay	16,2	4,0	20,6	18,9
Ngày phải thu	147,0	159,3	153,7	143,0
Ngày phải trả	76,1	121,8	94,8	65,0
Ngày tồn kho	17,6	18,4	18,7	16,0
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,5	0,5	0,5	0,5
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,5	0,5	0,5	0,5
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,9	1,1	0,9	1,0
Nợ/Vốn chủ sở hữu	-0,2	-0,3	-0,4	-0,6

Nguồn: NT2, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	6.386	5.944	7.958	10.576
Giá vốn hàng bán	-5.876	-5.892	-6.710	-9.168
Lợi nhuận gộp	510	52	1.248	1.408
Doanh thu hoạt động tài chính	107	100	170	271
Chi phí tài chính	-34	-39	-66	-84
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-69	-81	-85	-130
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	514	32	1.267	1.465
Thu nhập khác	0	72	1	2
Lợi nhuận trước thuế	514	104	1.268	1.467
Lợi nhuận ròng	473	83	1.130	1.174
Lợi nhuận chia cho cổ đông	473	83	1.130	1.174
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	1.546	190	3.829	3.873
Giá trị sổ sách (VND)	15.062	14.552	16.880	19.787
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.500	700	1.000	1.500
EBIT	547	139	1.333	1.549
EBITDA	1.235	826	1.889	1.704
Tăng trưởng				
Doanh thu	-27,3%	-6,9%	33,9%	32,9%
EBITDA	-25,0%	-33,1%	128,7%	-9,8%
EBIT	-42,9%	-74,6%	859,5%	16,2%
Lợi nhuận ròng	-46,4%	-82,5%	1263,5%	3,8%
Vốn chủ sở hữu	-6,0%	-3,4%	16,0%	17,2%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	13,5%	2,9%	6,6%	20,6%
Định giá				
P/E	15,9	110,2	6,4	5,5
P/B	1,6	1,4	1,4	1,1
Giá/Doanh thu	1,1	1,0	0,9	0,6
Tỷ suất cổ tức	6,1	3,3	4,1	7,1
EV/EBITDA	5,0	5,7	2,6	1,8
EV/Doanh thu	1,0	0,8	0,6	0,3
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8,0%	0,9%	15,7%	13,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	7,0%	-0,5%	14,6%	12,1%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	7,4%	1,4%	14,2%	11,1%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	1,1%	1,4%	1,1%	1,2%
ROE	10,6%	1,9%	25,0%	22,2%
ROA	6,0%	1,0%	12,6%	11,5%
ROIC	9,4%	2,1%	20,1%	17,9%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321